

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22824601] - Thực tập tốt nghiệp
(ĐCN) (CCQ2205A)

Số SV có mặt: 55
Số bài thi: 55

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (TG28 Số tờ giấy thi: 55)

Thư
phạm Tân
Bùi Quốc Chanh
phạm Tân
Sunli
Bùi Quốc Chanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050050	Lê Đình Trường	An	02/09/2004	CCQ2205B		<i>[Signature]</i>	9,0	9,0	9,0
2	2122050004	Trương Khánh	Âu	12/08/2004	CCQ2205A		<i>[Signature]</i>	9,5	9,4	9,4
3	2122050009	Nguyễn Thành Thanh	Bảo	14/05/2004	CCQ2205A		<i>[Signature]</i>	9,5	9,4	9,4
4	2122050043	Đặng Quốc	Cường	18/03/2004	CCQ2205B		<i>Cuong</i>	8,5	8,8	8,7
5	2122050022	Mai Quang	Đại	10/06/2004	CCQ2205A		<i>Đại</i>	8,5	8,5	8,5
6	2122050038	Phạm Thanh	Diễn	05/05/2004	CCQ2205B		<i>Diễn</i>	9,0	8,8	8,9
7	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A		<i>[Signature]</i>	9,5	8,9	9,1
8	2122050062	Nguyễn Trung	Đức	16/01/2003	CCQ2205B		<i>[Signature]</i>	8,5	8,1	8,3
9	2122050040	Vũ Văn Hùng	Dũng	23/09/2003	CCQ2205B		<i>[Signature]</i>	9,0	8,8	8,9
10	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	09/12/2004	CCQ2205A		<i>[Signature]</i>	8,5	8,9	8,7
11	2122050042	Trần Lê Nhật	Duy	06/11/2004	CCQ2205B		<i>Duy</i>	9,0	9,3	9,2
12	2122050012	Huỳnh Ngô Phước	Hải	26/03/2004	CCQ2205A					
13	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A		<i>[Signature]</i>	8,5	9,3	9,0
14	2122050119	Trương Minh	Hiền	16/11/2024	CCQ2205A		<i>[Signature]</i>	9,0	9,3	9,2
15	2122050037	Nguyễn Trung	Hiếu	04/04/2004	CCQ2205B		<i>[Signature]</i>	9,0	9,3	9,2
16	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A		<i>[Signature]</i>	9,0	9,0	9,0
17	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	CCQ2205B		<i>[Signature]</i>	9,0	9,7	9,4
18	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	CCQ2205B		<i>[Signature]</i>	9,0	9,0	9,0
19	2122050046	Đoàn Minh	Khải	29/07/2004	CCQ2205B		<i>Khải</i>	9,0	9,3	9,2
20	2122050029	Lương Duy	Khoa	11/06/2003	CCQ2205A		<i>Khoa</i>	9,0	9,4	9,2
21	2122050053	Nguyễn Phạm Hoàng	Minh	20/11/2004	CCQ2205B		<i>[Signature]</i>	6,0	7,5	6,9
22	2122050015	Trương Đắc	Ngọc	17/09/2004	CCQ2205A		<i>ngoc</i>	9,0	8,5	8,7
23	2122050067	Nguyễn Tấn Gia	Nguyên	30/04/2004	CCQ2205B		<i>Nguyen</i>	9,0	9,0	9,0
24	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu	Nhân	17/11/2004	CCQ2205A		<i>[Signature]</i>	9,5	9,3	9,4
25	2122050136	Trần Khắc	Nhân	24/03/2004	CCQ2205B		<i>Nhân</i>	6,0	7,5	6,9
26	2122050031	Đào Minh	Nhật	31/01/2004	CCQ2205A		<i>Nhật</i>	8,5	9,0	8,8
27	2122050017	Huỳnh Tuấn	Nhật	05/03/2004	CCQ2205A		<i>[Signature]</i>	9,0	9,0	9,0
28	2122050068	Nguyễn Hữu	Phát	19/02/2003	CCQ2205B		<i>[Signature]</i>	9,0	9,3	9,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22824601] - Thực tập tốt nghiệp
(ĐCN) (CCQ2205A)

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (TG28Số tờ giấy thi:..55...

Số SV có mặt:..55...

Số bài thi:55...

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122050118	Lê Tuấn	Phong	02/08/2004	CCQ2205A		Phong	8,0	8,3	8,2
30	2122050069	Huỳnh Ngọc	Phúc	10/12/2003	CCQ2205B		Phúc	9,0	8,5	8,7
31	2122050057	Lê Quang	Phương	03/08/2004	CCQ2205B		Phương	9,0	9,0	9,0
32	2122050049	Đặng Minh	Quân	17/06/2004	CCQ2205B		Quân	8,5	8,8	8,7
33	2122050056	Lê Thanh	Quang	24/11/2004	CCQ2205B		Quang	9,5	9,3	9,4
34	2122050135	Nguyễn Hoàng	Quốc	08/03/2004	CCQ2205A		Quốc	8,5	8,8	8,7
35	2122050121	Lê Đình	Sơn	07/04/2004	CCQ2205A		Sơn	7,5	8,5	8,1
36	2122050018	Trương Tấn	Tài	02/01/2004	CCQ2205A		Tài	9,0	9,0	9,0
37	2122050007	Nguyễn Duy	Tân	20/01/2004	CCQ2205A		Tân	9,0	9,0	9,0
38	2122050027	Nguyễn Thành	Thái	13/04/2004	CCQ2205A		Thái	8,5	9,0	8,8
39	2122050051	Tô Đình	Thành	18/06/2004	CCQ2205B		Thành	9,0	9,0	9,0
40	2122050061	Huỳnh Quốc	Thịnh	03/07/2004	CCQ2205B		Thịnh	8,5	9,3	9,0
41	2122050030	Khê Như	Thuần	13/09/2004	CCQ2205A		Thuần	7,5	8,0	7,8
42	2122050019	Nguyễn Văn Minh	Thuận	12/03/2004	CCQ2205A		Thuận	9,5	8,2	8,7
43	2122050021	Phạm Văn Thiện	Thuật	19/01/2001	CCQ2205A		Thuật	9,5	8,2	8,7
44	2122050006	Nguyễn Duy	Tiền	09/01/2003	CCQ2205A		Tiền	8,0	7,5	7,7
45	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	CCQ2205B		Trình	8,5	7,3	7,8
46	2122050035	Đào Phú Minh	Trịnh	11/04/2004	CCQ2205A		Trịnh	8,5	8,2	8,3
47	2122050058	Đặng Minh	Trọng	12/02/2004	CCQ2205B		Trọng	9,0	8,2	8,5
48	2122050025	Đặng Minh	Trực	07/01/2004	CCQ2205A		Trực	8,5	7,9	8,1
49	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A		Trường	9,0	8,5	8,7
50	2122050114	Nguyễn Văn	Trường	08/03/2004	CCQ2205B		Trường	8,5	8,3	8,4
51	2122050016	Hồ Minh	Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A		Tuấn	8,0	8,0	8,0
52	2122050024	Nguyễn Văn	Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A		Tuấn	8,5	8,3	8,4
53	2122050039	Lê Văn	Tường	01/04/2004	CCQ2205B		Tường	9,0	8,7	8,8
54	2122140015	Ngô Hoàng	Việt	07/07/2004	CCQ2205A		Việt	9,0	8,5	8,7
55	2122050010	Nguyễn Quốc	Việt	17/05/2004	CCQ2205A		Việt	8,5	8,4	8,4
56	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn	Vũ	14/03/2004	CCQ2205B		Vũ	9,0	8,0	8,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22824602] - Thực tập tốt nghiệp
(ĐCN) (CCQ2205C)

Số SV có mặt: 47
Số bài thi: 47

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (TG28 Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050122	Nguyễn Chí	An	15/11/2004	CCQ2205D		An	9,0	9,0	9,0
2	2122050070	Thiên Đại	Anh	11/08/2004	CCQ2205C			2,0		
3	2122050149	Nguyễn Văn	Bảo	24/10/2004	CCQ2205D		Bao	9,0	8,5	8,7
4	2122050151	Lê Quý	Cầu	11/10/2004	CCQ2205C		Cau	9,0	8,5	8,7
5	2122050117	Nguyễn Văn	Chương	16/12/2004	CCQ2205D		Chuong	9,0	8,8	8,9
6	2122050087	Lê Việt	Đông	17/02/2004	CCQ2205C		Do	9,5	9,0	9,2
7	2122050127	Nguyễn Ngọc	Đức	13/03/2004	CCQ2205D		Duc	9,0	9,0	9,0
8	2122050142	Dương Văn	Dũng	15/12/2001	CCQ2205C		Dung	9,0	9,0	9,0
9	2122050128	Nguyễn Xuân	Dương	01/01/2004	CCQ2205D		Xuan	8,5	8,5	8,5
10	2122180005	Đoàn Tất	Giáp	01/08/2004	CCQ2205C		Giap	8,5	8,3	8,4
11	2122140064	Nguyễn Huy	Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D		Huang	8,0	8,5	8,3
12	2122050139	Võ Văn	Hùng	23/01/2004	CCQ2205C		Hung	8,5	8,3	8,4
13	2122050077	Nguyễn Công	Hưng	12/12/2004	CCQ2205C		Hung	8,5	8,5	8,5
14	2122170390	Nguyễn Trần Đức	Hy	25/07/2004	CCQ2205D		Hy	8,5	8,1	8,3
15	2121050013	Nguyễn Ngọc	Kha	21/11/2003	CCQ2105A			9,0	9,0	9,0
16	2122050083	Nguyễn Duy	Khánh	30/11/2004	CCQ2205C		Khanh	8,5	9,0	8,8
17	2122050086	Trần Đăng	Khoa	01/01/2004	CCQ2205C		KB	9,0	8,0	8,4
18	2122050102	Nguyễn Tấn	Khôi	01/02/2004	CCQ2205C		Khai	8,0	7,5	7,7
19	2122050013	Trần Gia	Lâm	26/08/2004	CCQ2205D		Gia	9,5	9,5	9,5
20	2122050071	Nguyễn Công	Lập	02/09/2004	CCQ2205C		Lap	10,0	9,3	9,6
21	2122050133	Đỗ Văn Ngọc	Lưu	20/01/2004	CCQ2205D		Luu	8,0	7,5	7,7
22	2122170394	Lê Văn	Lưu	26/07/2004	CCQ2205D		Luu	9,0	9,1	9,1
23	2122220028	Trần Huỳnh	Mãnh	19/08/2004	CCQ2205D		Mao	9,0	7,8	8,3
24	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C		Mu	9,0	8,0	8,4
25	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	CCQ2205D		Minh	9,0	7,0	7,8
26	2122050099	Trương Công	Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C		Nghia	9,0	7,3	8,0
27	2122050075	Nguyễn Đình	Ngọc	12/10/2003	CCQ2205C		Ngoc	9,0	7,3	8,0
28	2122050106	Dương Thành	Nguyên	16/02/2004	CCQ2205D		Thanh	8,5	8,5	8,5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22824602] - Thực tập tốt nghiệp
(ĐCN) (CCQ2205C)

Số SV có mặt: 47

Số bài thi: 47

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (TG28 Số tờ giấy thi: 47)

phạm T
sinh
Đuì Quê Thạc
sinh
phạm T
sinh
Đuì Quê Thạc
sinh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122050076	Lương Văn Nhân	20/02/2004	CCQ2205C			2,0		
30	2122140060	Mai Quốc Nhật	02/02/2004	CCQ2205C		Nhoy	8,5	8,4	8,4
31	2122200018	Đặng Thanh Phúc	20/08/2002	CCQ2205D		Phuc	8,5	9,0	8,8
32	2122050148	Nguyễn Minh Phúc	14/07/2004	CCQ2205C		Phuc	8,5	8,5	8,5
33	2122050089	Nguyễn Đức Quân	10/05/2004	CCQ2205C		Quân	9,0	7,8	8,3
34	2122050090	Trần Văn Quyền	02/10/2004	CCQ2205C		Quyên	8,5	7,3	7,8
35	2122050130	Dương Minh Tân	22/12/2004	CCQ2205D		Tan	9,0	7,3	8,0
36	2122050107	Lê Thanh Thái	24/07/2002	CCQ2205D		Thai	9,0	8,0	8,4
37	2122180045	Trương Lương Nguyễn Thành	13/11/2004	CCQ2205D		Thanh	9,0	8,3	8,6
38	2122170536	Đào Huỳnh Xuân Thiện	21/08/2004	CCQ2205D		Thien	9,0	7,3	8,0
39	2122050124	Võ Đức Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D		Thinh	9,0	9,0	9,0
40	2122050147	Huỳnh Văn Thuận	26/05/2003	CCQ2205C					
41	2122050084	Võ Văn Minh Thuận	29/06/2004	CCQ2205C			0	0	0
42	2122050081	Trương Lê Ngọc Tiên	06/11/2003	CCQ2205C		Tien	9,0	9,0	9,0
43	2122060061	Triệu Minh Toàn	30/10/2004	CCQ2205D		Toan	8,5	7,3	7,8
44	2122050078	Lê Minh Trí	07/12/2004	CCQ2205C		Tri	9,0	8,0	8,4
45	2122050074	Nguyễn Hữu Trọng	29/06/2003	CCQ2205C		Trong	9,0	7,8	8,3
46	2122050126	Lê Thành Trung	29/10/2004	CCQ2205D		Trung	9,0	8,3	8,6
47	2122050085	Nguyễn Thành Trung	22/11/2004	CCQ2205C		Trung	9,0	8,3	8,6
48	2122050111	Võ Thanh Trung	20/06/2004	CCQ2205D		Trung	8,5	7,9	7,9
49	2122050105	Nguyễn Quốc Việt	11/03/2004	CCQ2205D		Viet	9,5	8,8	9,1
50	2122050123	Nguyễn Văn Vin	01/04/2003	CCQ2205D		Vin	9,0	8,8	8,9
51	2122050103	Trần Anh Vũ	08/05/2004	CCQ2205D		Vu	9,0	8,8	8,9